

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hương

Ông Hoàng Xuân Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Đào Đức Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm: 1989;

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: 811-2306 72 1Ae kasuya-cho, Kasuya-gun, Fukuoka ken
Maison Claire B, J.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Phạm Thị Bảo H1, sinh ngày 19/12/2009.

- Cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 16/11/2011.

- Cháu Phạm Tuệ M, sinh ngày 08/10/2017

Người đại diện hợp pháp cho cháu H1, cháu N và cháu M là chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T.

* **Người làm chứng:**

- Bà Vũ Thị T1, sinh năm: 1966; Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng

Yên

(Các đương sự, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, chị về sống cùng gia đình anh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí anh T còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Đầu năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản nên tình cảm hai vợ chồng càng trở nên xa cách, không ai quan tâm ai. Anh T ở Việt Nam còn thường xuyên sang nhà bố mẹ đẻ của chị gây hấn và chửi bới. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung là cháu Phạm Thị Bảo H1, sinh ngày 19/12/2009, cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Phạm Tuệ M, sinh ngày 08/10/2017. Hiện các cháu đang sống với bố mẹ đẻ của chị. Chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T có lời khai thống nhất với lời khai của chị H về thời điểm kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, anh T xác định không còn tình cảm và không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị H. Tuy nhiên, anh chỉ nhất trí ly hôn với điều kiện chị H phải về Việt Nam xin lỗi và đối thoại với anh về các khoản nợ chung của vợ chồng. Trường hợp chị H cố tình không về nước thì anh đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 03 con chung như chị H đã trình bày. Hiện nay, cả 3 cháu đang sống cùng với bố mẹ đẻ chị H. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đều do ông bà trực tiếp nuôi dưỡng trên cơ sở tiền của chị H gửi về. Trước quan điểm của chị H về việc được nuôi cả 3 con chung thì anh chỉ đồng ý với điều kiện chị H về nước và xin lỗi anh. Anh T xác định sau khi ly hôn anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung do anh mới đi chấp hành án về nên chưa có công việc ổn định, chưa có thu nhập.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung. Trước đây, chị H có giữ của anh số tiền 300.000.000 đồng của anh nên anh yêu cầu chị

H về nước để vợ chồng tự giải quyết xong số tiền này mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Thị Bảo H1 và cháu Phạm Thị Diễm N trình bày: Hiện các cháu đang học tại trường Trung học cơ sở N1. Cả ba chị em cháu đều đang ở cùng với ông bà ngoại ở thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên và được ông bà ngoại chăm sóc rất chu đáo. Mẹ cháu vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm sức khỏe và tình hình học tập của ba chị em và hàng tháng đều gửi tiền về cho ông bà ngoại. Bố cháu không quan tâm và hỏi han gì ba chị em mà chỉ hay to tiếng, chửi bới ông bà ngoại. Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại vì ông bà ngoại chăm sóc cháu rất tốt. Trường học của các cháu cũng gần nhà ông bà ngoại nếu được ở với mẹ và ông bà ngoại thì sẽ tiện cho các cháu đi học và ổn định việc học hành. Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị T1 là mẹ đẻ của chị H có lời khai thống nhất với chị H về quan hệ hôn nhân và con chung, tài sản chung của chị H và anh T. Lý do phát sinh mâu thuẫn thì bà cũng không rõ nhưng bà thấy anh T thường xuyên đánh đập chị H khi chưa đi xuất khẩu lao động, có lần bà phải sang nhà anh T đón chị H về. Anh T vừa đi chấp hành án về nhưng không chịu tu chí làm ăn, thậm chí còn nhấn tin xúc phạm, chửi bới vợ chồng bà. Đến nay, chị H xin ly hôn anh T bà cũng không có ý kiến gì mà do anh chị tự quyết định. Hiện nay, cả ba con chung của chị H và anh T đều đang do ông bà chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án xử cho chị H được ly hôn anh T và giao 03 cháu cho chị H nuôi dưỡng thì bà tự nguyện thay chị H nuôi dưỡng và chăm sóc 03 cháu cho đến khi chị H về nước và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Xác minh tại U, huyện K, tỉnh Hưng Yên được biết: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Quỳnh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 05/3/2009 thể hiện tại số A, quyển 01/2009. Anh T, chị H đã đăng k kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn N, xã T, huyện K. Năm 2019, chị H đi xuất khẩu lao động Nhật Bản. Trong quá trình sinh sống, anh T chị H có xảy ra mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Nay chị H làm đơn ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai của các bên đương sự, đơn xin xét xử vắng mặt chị H, anh T. Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh H. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: giao cháu Phạm Thị Bảo H1, sinh ngày 19/12/2009; cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 16/11/2011; cháu Phạm Tuệ M, sinh ngày 08/10/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: chị H. Anh T không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh H có hộ khẩu thường trú tại: thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: 811-2306_72 1Ae kasuya-cho, Kasuya-gun, Fukuoka ken M1 B203, Japan khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; có hộ khẩu thường trú tại: thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh H và bị đơn anh Phạm Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 05/3/2009 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị H và anh T phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người làm chứng nên HĐXX có đủ căn cứ xác định, vợ chồng anh T chị H chung sống hạnh phúc một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng có quan điểm sống không hợp và thường xuyên xả ra cãi vã. Anh T còn có hành vi bạo lực gia đình với chị H. Nhiều năm nay, vợ chồng không liên lạc và quan tâm nhau. Anh T còn thường xuyên xúc phạm, chửi bới bố mẹ đẻ của chị H. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau. Lý do anh T không chấp nhận ly hôn với chị H do chị H không chịu về nước để giải quyết khúc mắc về kinh tế không phải xuất phát từ tình cảm và mong muốn đoàn tụ vợ chồng. HĐXX xét thấy, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2]. Về con chung: Anh chị đều thống nhất xác định vợ chồng có 3 con chung gồm cháu Phạm Thị Bảo H1, sinh ngày 19/12/2009, cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Phạm Tuệ M, sinh ngày 08/10/2017. Hiện các cháu đang sống với bố mẹ đẻ của chị H. Chị H có quan điểm đề nghị được nuôi cả ba con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quan điểm đề nghị giải quyết theo pháp luật. HĐXX xét thấy, việc giao con chung chưa thành niên cho chị H hay anh T nuôi dưỡng cũng cần căn cứ vào điều kiện của các bên và quyền lợi mọi mặt của con chung, bảo đảm việc học tập, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần của các cháu. Các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự đều thể hiện, cả ba cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ của chị H. Hàng tháng, chị H là người chu cấp tiền để nuôi con chung. Còn anh T vừa đi chấp hành án về địa phương, công việc và thu nhập không ổn định. Bản thân anh T cũng thừa nhận không có tiền để chu cấp nuôi con chung. Hai cháu H1 và N đều có quan điểm muốn ở cùng với mẹ và ông bà ngoại do được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Bà Vũ Thị T1 (mẹ đẻ của chị H) xác định chị H thường xuyên gửi tiền về cho bà để nuôi các cháu. Đồng thời bà có quan điểm sẽ tự nguyện thay chị H chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian chị H chưa về nước. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 03 cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 19, 51; 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Quỳnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là cháu Phạm Thị Bảo H1, sinh ngày 19/12/2009; Cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 16/11/2011; Cháu Phạm Tuệ M, sinh ngày 08/10/2017 cho đến khi cháu H1, cháu N, cháu M đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Quỳnh H không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này; nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của anh T.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000150 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THA tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Toàn Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương